

Bản án số: 85/2025/LĐ-ST  
Ngày: 12 – 5 – 2025  
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động  
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Văn Công Thúc

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 244/2024/TLST – LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-LĐ ngày 21/4/2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (xin vắng mặt); Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh long An.

Theo văn bản ủy quyền ngày: 12/12/2024.

2. **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (tiền thân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn S);

Địa chỉ trụ sở: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Yuan H - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H, T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T – Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do không am hiểu quy định pháp luật nên bà Nguyễn Thị L có cho bà Nguyễn Thị Tuyết M mượn giấy chứng minh nhân dân do bà đứng tên để xin việc làm tại Công ty TNHH S (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn C); địa chỉ trụ sở: Ấp N, xã Đ, Đ, Long An. Bà M có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012018681 trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 3 năm 2012, thì bà M nghỉ việc.

Trong khi đó, từ tháng 12/2011 đến tháng 01/2012, bà L xin vào làm việc tại Công ty TNHH B, địa chỉ: xã H, Đ, Long An, bà có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012000252.

Do vậy, hiện nay tồn tại 02 sổ bảo hiểm xã hội số 8012018681 và số 8012000252 cùng mang tên Nguyễn Thị L nên bà L không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị Tuyết M thực tế làm việc) với Công ty TNHH S nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 3 năm 2012;

2/ Điều chỉnh tên ghi trên sổ bảo hiểm xã hội mã số 80120118681 từ tên Nguyễn Thị L sang tên bà Nguyễn Thị Tuyết M tham gia lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2008 đến tháng 3/2012 tại Công ty TNHH S nay là Công ty TNHH C.

Đối với Công ty TNHH C, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, người đại diện theo pháp luật của công ty không đến tòa theo giấy triệu tập, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 18/12/2024, bà xác nhận: có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị L để xin vào làm việc tại Công ty TNHH S thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 3 năm 2012 và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số*

8012018681 nhưng thông tin ghi trên hợp đồng lao động và trên sổ BHXH là tên Nguyễn Thị L. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định pháp luật.

*Tại văn bản ngày 25/3/2025, Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S, địa chỉ trụ sở: ấp N, xã Đ, Đ, Long An, có tham gia đóng bảo hiểm, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị Liên T1 tháng 8/2009 đến tháng 3 năm 2012 trên sổ bảo hiểm xã hội số 8012018681. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại BHXH tỉnh L đến ngày 21/3/2025, Cơ quan BHXH đã giải quyết chế độ BHXH một lần với số tiền hưởng là 11.309.490 đồng, chưa hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 49 của Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội Khóa 14, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị Tuyết M thực hiện) với Công ty TNHH S (nay là Công ty TNHH C; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, Đ, Long An, thời gian lao động từ tháng 8/2008 đến tháng 03/2012; Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8012018681 từ tên Nguyễn Thị L thành tên Nguyễn Thị Tuyết M, thời gian lao động từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 03 năm 2012 tại Công ty TNHH S.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L như trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH S (nay là Công ty TNHH C, có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị L là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH C là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Tuyết M và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện Công ty TNHH C (tiền thân là Công ty TNHH S) vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động giả tạo nên bà Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Nguyễn Thị L có nộp chứng cứ là: Sổ BHXH số 8012018681, sổ số 8012000252 và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian năm 2008 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Thị L (nhưng do bà Nguyễn Thị Tuyết M là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S là vô hiệu. Tuy nhiên, Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tuyết M không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S có tham gia đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Liên T1 tháng 8 năm 2008 đến tháng 3 năm 2012 theo sổ bảo hiểm xã hội số 8012018681 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH S (nay là Công ty TNHH C) có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 3 năm 2012.

[2.2]. Xét thấy, bà Nguyễn Thị L có cho bà Nguyễn Thị Tuyết M mượn giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8 năm 2008 đến tháng

3 năm 2012 tại Công ty TNHH S theo sổ BHXH số 8012018681. Trong khi đó bà Nguyễn Thị L trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH B và tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8012000252 từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 01 năm 2012.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 01/2012 thì người mang tên Nguyễn Thị L cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH S và Công ty TNHH B.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị Tuyết M tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH S nhưng hợp đồng lao động ghi tên Nguyễn Thị L là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH S là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Nguyễn Thị L trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8012018681 trong giai đoạn từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 3 năm 2012 tại Công ty TNHH S thành tên Nguyễn Thị Tuyết M.

[3]. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, Công ty TNHH S (nay là Công ty TNHH C) không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị L: tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm đồng sung ngân sách nhà nước.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH S (nay là Công ty TNHH C).

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị Tuyết M là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 3 năm 2012.

1.2. Điều chỉnh tên Nguyễn Thị L trên sổ bảo hiểm số 8012018681 trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2008 đến hết tháng 3 năm 2012 thành tên Nguyễn Thị Tuyết M.

Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Tuyết M được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8012018681 từ tên Nguyễn Thị L sang tên Nguyễn Thị Tuyết M.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4061 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Văn Công Thức**